

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2018
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đào
2. Bà Đậu Thị Phú

Thư ký phiên toà: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: không.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn C, xã, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
2. Bị đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/4/2018, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông và bà Phạm Thị X có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17 tháng 7 năm 1987. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, ông H phải đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ

chồng bị rạn nứt. Vợ chồng ông H đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên ông H mong muốn được ly hôn với bà X để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Ông H trình bày quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên là Phạm Tuấn A, sinh ngày 25/3/1988; Phạm Anh T, sinh ngày 05/02/1992 và Phạm Thị Lệ Như S, sinh ngày 27/10/1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, đã lập gia đình và có công việc ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ông bà không vay nợ gì ai và cũng không cho ai vay nợ của vợ chồng

Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/8/2018 bà Phạm Thị X trình bày: Bà và ông Phạm Văn H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17 tháng 7 năm 1987. Sau một thời gian dài chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2013. Ông H làm đơn ly hôn thì bà X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm với nhau được nữa. Tuy nhiên do điều kiện công việc bà không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết. Về con chung: Bà X trình bày quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên là Phạm Tuấn A, sinh ngày 25/3/1988; Phạm Anh T, sinh ngày 05/02/1992 và Phạm Thị Lệ Như S, sinh ngày 27/10/1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, đã lập gia đình và có công việc ổn định. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà X tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17 tháng 7 năm 1987 vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông H và bà X chung sống hạnh phúc một thời gian dài, tuy nhiên trong thực tế đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tại phiên tòa ông H kiên quyết xin được ly hôn bà X và trong đơn xin xét xử vắng mặt bà X xác định không còn tình cảm với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà X đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử

căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, xét xử cho ông H được ly hôn với bà X.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị X tuy nhiên bà X đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đơn đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, quận 2, Thành phố H vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bà Phạm Thị X.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X có ba con chung tên là Phạm Tuấn A, sinh ngày 25/3/1988; Phạm Anh T, sinh ngày 05/02/1992 và Phạm Thị Lệ Như S, sinh ngày 27/10/1994. Xét thấy cả 03 con đã lập gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà X thống nhất tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết và tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn H phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bà Phạm Thị X
2. Về quan hệ tình cảm: Cho ly hôn giữa ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X
3. Về quan hệ con chung: Không xem xét
4. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung : Không xem xét

4. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí ông H phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001093 ngày 29/5/2018. Ông H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2018). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

